

Phụ lục IV

Appendix IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 697 /BC-VMIC-HĐQT

Cầm Phả, ngày 25 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN /ANNUAL REPORT

NĂM 2022 /Year 2022

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN**

Năm báo cáo: **2022**

I/ Thông tin chung:

1/ Thông tin khái quát

+/ Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô -VINACOMIN**

+/ Tên giao dịch quốc tế: **VINACOMIN-MOTOR INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY**

+/ Tên viết tắt : **VMIC**

+/ Mã chứng khoán : **VMA**

Logo



+/ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 5700353722 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần 6 ngày 03 tháng 5 năm 2019

+/ Địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Số 370, Trần Quốc Tảng, Phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

+ Điện thoại : (84.33) 3865 286 Fax: (84.33) 3862 398

+ Website : www.vmicauto.vn Email : vmicauto@yahoo.com.vn

+ Vốn điều lệ : 27.000.000.000 (Hai mươi bảy tỷ) đồng

2. Quá trình hình thành phát triển /Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

- Việc thành lập: Công ty thành lập ngày 01 tháng 08 năm 1960

- Chuyển đổi sở hữu: Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần ngày 22 tháng 02 năm 2008.

- Niêm yết: Công ty niêm yết trên sàn UPCOM

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác - Sản xuất, lắp ráp xe ô tô tải, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô du lịch	2910 (chính)
2	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, kiểm tra chất lượng và độ tin cậy của sản phẩm, kiểm tra kỹ thuật hàn và mối hàn, kiểm định thiết bị thủy lực	7120
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động có kỹ năng chuyên môn, khoa học và công nghệ liên quan đến kiểm tra, phân tích kỹ thuật	7490
4	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác chi tiết: Mua bán ô tô	4511
5	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu - Chế tạo, sửa chữa các thiết bị sàng tuyển	2599
6	Sản xuất các cấu kiện kim loại - Sản xuất các loại sản phẩm có kết cấu cơ khí	2511
7	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
8	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp - Xây dựng các công trình công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp.	3320
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại - Chế tạo thiết bị, chế tạo, phục hồi vật tư phụ tùng	2592
10	Sửa chữa thiết bị điện - Sửa chữa, cải hoán, bảo hành, bảo dưỡng các thiết bị năng lượng	3314
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác - Sửa chữa, cải hoán, bảo hành, bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô các loại, thiết bị mô, thiết bị khoáng sản	4520
12	Sửa chữa máy móc, thiết bị - Sửa chữa, cải hoán, bảo hành, bảo dưỡng các loại máy móc thiết bị thi công	3312

- Dịch vụ tư vấn kỹ thuật chuyên ngành ô tô.

- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu trên tỉnh Quảng Ninh và các cả nước (khi có yêu cầu của khách hàng)

4. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị :

+ Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên; Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.

+ Ban Giám đốc điều hành: 01 Giám đốc Công ty điều hành chung ; 01 Phó Giám đốc; 01 Kế toán trưởng ; Trong năm có sự thay đổi : Từ 01/8/2022 Công ty có 01 Phó giám đốc sau 02 nhiệm kỳ thôi không bổ nhiệm lại nên hiện tại Công ty tạm thời chỉ có 01 PGĐ

+ Các phân xưởng, phòng ban: 05 phòng; 04 phân xưởng.

* Các phòng ban Công ty:

1- Phòng Tổ chức - Hành chính
(viết tắt: TC-HC)

4- Phòng Kế toán - Tài chính
(viết tắt: KT-TC)

2- Phòng Kế hoạch Vật tư (viết tắt: KH-VT)

5- Phòng Cơ điện – An toàn

3- Phòng Kỹ thuật - Công nghệ
(viết tắt: KT-CN)

(viết tắt: CD-AT)

*** Các Phân xưởng:**

- 1- Phân xưởng Sửa chữa Ô tô và động cơ
- 2- Phân xưởng Cơ khí
- 3- Phân xưởng Kết cấu
- 4- Phân xưởng Cơ điện và phục vụ

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- + Sửa chữa các loại xe tải nặng HD, CAT, VOLVO, HM, SCANIA, BELAZ...(55 đến >100 tấn);
- + Chế tạo, phục hồi các sản phẩm thiết bị phục vụ khai thác mỏ (khai thác Hàm lò, lộ thiên, sàng tuyển);
- + Lắp ráp các loại xe ô tô tải nặng, sản xuất chế tạo các loại xe chuyên dùng: Téc dầu, téc nước, thùng kín, thùng hở, xe cầu,
- + Chế tạo và sửa chữa các sản phẩm, hệ thống vận tải phục vụ trong khai thác hầm lò, lộ thiên (mônôray, ống thủy lực mềm, barie, dàn chống siêu nhẹ, toa xe, chế tạo các giàn giá chống ...)
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Chiến lược phát triển của Công ty chủ yếu vẫn tập trung vào việc sửa chữa xe tải nặng đại xa siêu trường siêu trọng, các loại xe trung xa; Chế tạo và phục hồi các sản phẩm, thiết bị Cơ khí phục vụ cho các công ty khai thác mỏ hầm lò.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới phục vụ cơ giới hóa đường lò, tự động hóa, tin học hóa cho khai thác Hầm lò nhằm mục tiêu tăng năng suất, đảm bảo chất lượng và giá cạnh tranh, nâng cao hiệu quả.
- Trong hoạt động thực hiện công tác môi trường được chú trọng theo quy định; Công tác xã hội và cộng đồng: Thường xuyên quan tâm tham gia đóng góp đầy đủ theo điều kiện của công ty phối hợp hỗ trợ lẫn nhau hài hòa giữa doanh nghiệp với địa phương.
- Các rủi ro: ngành sản xuất tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro do đặc thù nghề nghiệp. Công ty luôn xây dựng và triển khai tất cả các phương án phòng ngừa rủi ro, thủ tiêu sự cố về quy trình công nghệ, giá cả vật tư biến động, môi trường, thiên tai, dịch bệnh, cạnh tranh lao động công nghệ ..., nguy cơ ảnh hưởng đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phân đầu là công ty cơ khí chế tạo, phục hồi hàng đầu phục vụ sản xuất cho các công ty khai thác mỏ tại Quảng Ninh.

II/ Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động SXKD

Năm 2022 SXKD Công ty hoàn thành các chỉ tiêu nghị quyết đại hội đồng cổ đông công ty thông qua thông qua ngày 27/4/2022. Trong năm 2022 Công ty thực hiện nhiệm vụ kép đầu năm 2022 phòng chống dịch covid-19 và thực hiện SXKD; Trong năm được sự hỗ trợ của Tập đoàn TKV, sự cố gắng nỗ lực, đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện được các mục tiêu lớn đề ra, cụ thể:

- + Hoàn thành toàn vượt mức tiêu SXKD Công ty
- + Sản xuất đảm bảo An toàn về người và thiết bị;
- + Việc làm, thu nhập, đời sống cho người lao động được ổn được định;
- + SXKD đảm bảo hiệu quả; Các chỉ tiêu về Doanh thu, lợi nhuận và tiền lương của người lao động đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch được giao.
- + Công tác quản trị Công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp.
- + Chất lượng sản phẩm ổn định hơn, được khách hàng tin cậy hơn.
- Trong năm Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên rà soát chỉ đạo kịp thời ; sự chủ động nhanh nhạy của bộ máy điều hành, với những cố gắng khắc phục khó khăn của tập thể CBCNV, trong năm Công ty đã phân đầu thực hiện nhiệm vụ với những kết quả như sau:

*** Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ trọng (%)	
					So với Kế hoạch 2022	So với cùng kỳ 2021
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ trọng (%)	
					So với Kế hoạch 2022	So với cùng kỳ 2021
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7
1	Doanh thu	Tr. đồng	316.650	356.859	112,7	101,6
2	Giá trị sản xuất	Tr. đồng	315.700	353.394	111,9	102,4
3	Quỹ tiền lương	Tr. đồng	44.267	49.287	111,3	102,3
4	Tiền lương bình quân	1000 đ/ng-th	10.247	12.224	119,3	105,7
5	Lao động bình quân	Người	360	336	93,3	96,6
6	Lợi nhuận	Tr. đồng	5.500	5.998	109,1	100,0
7	Cổ tức	%	10	12	120	

- Trong năm các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu về doanh thu, lợi nhuận, thu nhập tiền lương bình quân của người lao động Công ty đều đạt và vượt kế hoạch năm; cổ tức thực hiện 12%/10% (120%)

2. Tổ chức và nhân sự

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.
- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát do đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát hội đồng quản trị, giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Công ty có 04 phân xưởng và 05 phòng.

+ **Tóm tắt lý lịch Ban điều hành** (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng)

* **Giám đốc Công ty:**

- + Họ tên: **Nguyễn Văn Yên**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 31/10/1971
- + Quốc tịch: Việt Nam.
- + Dân tộc: Kinh.
- + Quê quán: Văn Lâm – Mỹ Văn – Hưng Yên
- + Trú quán: Số nhà 09, tổ 1, khu cầu sến, Phường Phương đông, TP Uông bí, tỉnh Quảng Ninh
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ hầm lò
- Trình độ chính trị: Cao cấp
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty.
- + Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ **Phó giám đốc: Lê Thanh Sơn** (Từ 01/8/2022 thôi chức vụ phó giám đốc, nhận nhiệm vụ trợ lý giám đốc)

Sinh ngày 15/10/1963 Giới tính: Nam
Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: xã thụy xuân, huyện thái thụy, tỉnh Thái Bình

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1.295 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không cổ phần.

+ Phó giám đốc: Đỗ Hải Hùng

Sinh ngày 15/8/1974 Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: xã lý thường kiệt, Huyện Yên mỹ, tỉnh Hưng yên

Trú quán: tổ 9, khu bạch đằng, phường cẩm thạch, TP. Cẩm phả, tỉnh Quảng ninh

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ cơ khí động lực

Trình độ chính trị: Cao cấp

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1.842 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.

+ Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Hồng Thịnh

Sinh ngày 14/12/1979 Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: xã Phú đa, Huyện Vĩnh tường, tỉnh vĩnh phúc

Trú quán: tổ 6, khu 6, phường cẩm thành, TP. Cẩm phả, tỉnh Quảng ninh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế. ngành: Kế toán, cử nhân ngoại ngữ

Trình độ chính trị: Cao cấp

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1619 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không

***/ Những thay đổi chủ yếu trong ban điều hành năm 2022:**

Thực hiện văn bản số: 3333/ TKV-TCNS ngày 22/7/2022 của Chủ tịch thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng Sản Việt Nam về việc: Nhân sự Giám đốc Công ty Giám đốc công ty báo cáo HĐQT; văn bản số: 3334/ TKV-TCNS ngày 22/7/2022 của tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng Sản Việt Nam về việc: Công tác cán bộ.

Ngày 29/7/2022 Hội đồng quản trị công ty họp ban hành NQ số 06/ 2022/ BB-NQ-HĐQT thông qua việc: (1) Không bổ nhiệm lại Ông Phạm Xuân Phi, Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin khi kết thúc nhiệm kỳ thứ 2 (kể từ ngày 01/8/2022). Ông Phạm Xuân Phi tiếp tục là Người đại diện của TKV tại Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cho đến khi TKV quyết định điều động về nhận nhiệm vụ mới tại Cơ quan quản lý, điều hành Tập đoàn; (2) thông qua bổ nhiệm tạm thời giao Ông Đỗ Hải Hùng - Phó giám đốc làm Quyền Giám đốc công ty: Tạm thời điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty kể từ ngày 01/8/2022 cho đến khi HĐQT thông qua bổ nhiệm Giám đốc công ty; (3) Hội đồng quản trị thống nhất thông qua: Ý kiến của Tập đoàn TKV tại văn bản số: 3334/ TKV-TCNS ngày 22/7/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng Sản Việt Nam về việc: Công tác cán bộ: Không bổ nhiệm lại đối với Ông Lê Thanh Sơn giữ chức vụ: Phó giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin từ ngày 01/8/2022. Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp đối với ông Lê Thanh Sơn khi hết nhiệm kỳ thứ 02; (4) Hội đồng quản trị thống nhất theo đề nghị của Giám đốc: Bổ nhiệm Ông Lê Thanh Sơn giữ chức vụ: Trưởng phòng, trợ lý Giám đốc công ty;

Ngày 24/10/ 2022 Hội đồng quản trị công ty họp ban hành NQ số 10/ 2022/ BB-NQ-HĐQT: (1) HĐQT thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Yên, giữ chức vụ Giám đốc công ty

*** HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, gồm các Ông:**

- | | |
|---|---|
| 1. Ông Nguyễn Trọng Hùng | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Phạm Xuân Phi | Ủy viên HĐQT – Giám đốc điều hành Công ty |
| 3. Ông Nguyễn Anh Tuấn | Ủy viên HĐQT, Đại diện Công ty Kamaz. |
| 4. Ông Zakharicov Andrey Alexandrovitch | Ủy viên HĐQT, Đại diện Công ty Kamaz; |
| 5. Ông Trần Văn Trung | Ủy viên HĐQT – Công ty CP Tân đại tây dương (AIT) |

***/ Thay đổi trong HĐQT năm 2022:**

Căn cứ Quyết định số: 1595/ QĐ-TKV ngày 17/10/2022 của Chủ tịch HĐTV Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, về việc: Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn, Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin; Căn cứ Công văn số: 4757/ QĐ-TKV ngày 18/10/2022 của Chủ tịch HĐTV Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, về việc: Kiện toàn nhân sự Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin

Ngày 24/10/ 2022 Hội đồng quản trị công ty họp ban hành NQ số 10/ 2022/ BB-NQ-HĐQT: (1) *Thông qua việc Ông Nguyễn Trọng Hùng thôi tham gia HĐQT, thôi chức vụ chủ tịch HĐQT Công ty;* (2) *HĐQT thông qua việc Ông Nguyễn Văn Yên trúng cử thành viên HĐQT Công ty, nhiệm kỳ 2018-2023;* (3) *HĐQT thông qua việc bầu Ông Phạm Xuân Phi giữ chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty, nhiệm kỳ 2018-2023.*

***/ Số lượng cán bộ nhân viên (thời điểm 31/12/2022):** 339 người; trong đó: 302 Người lao động chính thức; LĐ hợp đồng mùa vụ, công việc: 27 người, tập nghề: 10 người)

*** Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023, gồm các Ông:**

- | | |
|------------------------|--|
| 1. Bà Bùi Thị Lan | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Ông Hồ Anh Tuấn | Ủy viên Ban kiểm soát |
| 3. Ông Hà Minh Thanh | Ủy viên Ban kiểm soát (tham gia từ 28/4/2020) |
| 4. Ông Trần Thiết Hùng | Ủy viên Ban kiểm soát (Thôi tham gia từ 28/4/2020) |

***/ Thay đổi trong Ban kiểm soát năm 2022:** Không

***/ Số lượng cán bộ nhân viên (thời điểm 31/12/2022):** 339 người; trong đó: 302 Người lao động chính thức; lao động hợp đồng mùa vụ, công việc: 27 người, tập nghề: 10 người)

3/ Tình hình thực hiện đầu tư năm 2022

3.1. Công tác Đầu tư XDCB năm 2022

Tổng số kế hoạch Tập đoàn giao : 12,040 tỷ đồng (Theo văn bản số: 4576/TKV-ĐT ngày 06/10/2022), Chi tiết như sau:

- | | |
|-------------------------------------|-------------------|
| - Kế hoạch thực hiện dự án năm 2022 | : 12,040 tỷ đồng. |
| - Chuẩn bị dự án | : Không. |
| - Dự phòng | : Không. |
| Trong đó: | |
| + Thiết bị | : 9,040 tỷ đồng. |
| + Xây dựng | : 3,000 tỷ đồng. |
| + Quản lý, tư vấn | : Không; |

1.1.2. Phân theo nguồn vốn:

- | | |
|------------------|-------------------|
| - Vốn chủ sở hữu | : Không. |
| - Vốn vay | : 12,040 tỷ đồng. |

Giá trị thực hiện ký hợp đồng năm 2022 đạt 11,480 tỷ/12,040 tỷ, đạt 95,34% so với KH năm 2022, trong đó giá trị giải ngân thanh toán cho các nhà thầu đến hết 31/12/2022 là 5,923 tỷ /12,040 tỷ đạt 49,19%. Chi tiết thực hiện các hạng mục như sau:

- Đầu tư mới 01 Máy cắt Laze Fiber (chuyển tiếp 2021).

- Đầu tư mới 01 Máy doa đầu ống con lăn băng tải (chuyển tiếp 2021).
- Đầu tư mới 01 Máy hàn Laze.
- Đầu tư mới 01 Máy phun bi dạng buồng.
- Đầu tư mới 01 Máy hàn 2 đầu ống con lăn.
- Đầu tư Sửa chữa mái nhà xưởng giai đoạn 2 năm 2022.

Nhận xét chung: Do có sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, ban lãnh đạo Công ty đã bám sát kế hoạch năm 2022, thực hiện theo đúng kế hoạch điều chỉnh đã được phê duyệt. Các thiết bị được đầu tư mới trong năm 2022 đã đưa vào sử dụng phục vụ sản xuất đáp ứng yêu cầu cho sản xuất kinh doanh.

B. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CƠ ĐIỆN NĂM 2022

1/ Công tác quản lý năng lượng năm 2022

- Đảm bảo hệ thống thiết bị năng lượng hoạt động tốt, phục vụ kịp thời cho sản xuất, không có sự cố phải ngừng sản xuất. Điện năng tiêu thụ bình quân 147532 kWh/tháng, cosφ trung bình 0,93. Thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ trạm điện theo đúng quy định. Đo kiểm trị số tiếp địa đầy đủ đảm bảo an toàn cho các thiết bị, nhà xưởng toàn Công ty trong quý I/2022.

- Về thực hiện tiết kiệm năng lượng: thay thế toàn bộ các đèn chiếu sáng công suất lớn bằng đèn LED; sử dụng quạt trần sai cánh lớn điều khiển biến tần, loại bỏ quạt công nghiệp cục bộ công suất lớn, thay thế các quạt trần cũ hỏng 80w bằng các loại quạt trần DC 35W tiết kiệm năng lượng, hạn chế các thiết bị có công suất lớn vào giờ cao điểm, loại bỏ các thiết bị cũ, già cỗi lạc hậu tiêu tốn nhiều năng lượng, hiệu suất thấp. dùng công nghệ nung phôi bằng trung tần thay thế lò đốt than, chỉ sử dụng đốt lò khi có yêu cầu về kích thước quá khổ so với thiết bị nung bằng trung tần.

- Hệ thống cấp nước đã loại bỏ hoàn toàn các đường ống ngầm cũ hỏng gây thất thoát nước và thay thế các đường ống mới đến các khu sản xuất theo đúng nhu cầu thực tế. Tận dụng tối đa nước mưa cho hệ thống rửa xe và phục vụ sản xuất.

- Hệ thống khí nén phục vụ sản xuất đã thay thế sử dụng các máy nén khí cục bộ phù hợp với nhu cầu của từng đơn vị, chủ động không ảnh hưởng đến hoạt động chung và có thể tiết giảm khi các đơn vị sử dụng không cần thiết dùng.

2/ Công tác quản lý thiết bị công nghệ:

- Tổ chức sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất không để ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất;

- Quản lý thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đảm bảo 100% các thiết bị đang sử dụng kiểm định an toàn theo đúng quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục phân loại, tháo dỡ loại bỏ các thiết bị cũ hư hỏng nặng, lạc hậu kỹ thuật để thanh xử lý, bố trí lắp đặt lại các thiết bị, quy hoạch lại mặt bằng sản xuất các khu vực theo yêu cầu công nghệ, đổi mới áp dụng KHCN, tự động hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Phối hợp phòng KTCN thực hiện đề tài nhiệm vụ khoa học trong năm 2022, tổ chức đưa các thiết bị đầu tư mới áp dụng công nghệ mới vào phục vụ sản xuất.

4/ Áp dụng tin học hóa, tự động hóa

- Về tin học Công ty tiếp tục sử dụng mạng LAN tại Công ty, các máy tính đều có kết nối Internet và ứng dụng các phần mềm quản lý văn bản điện tử kết nối trực liên thông TKV, kế toán thống kê, quản lý vật tư, phần mềm Quản lý lao động nhân sự HMR, tiền lương, nhân sự, Bảo hiểm xã hội, kê khai bảo hiểm, kê khai thuế, ADIS công bố thông tin-Ủy ban chứng khoán, quản lý định vị xe ô tô và phần mềm kỹ thuật Test kiểm tra, cài đặt, sửa chữa các chủng loại xe ô tô HD, CAT, Vovol, Scania.

- Về tự động hóa trong năm qua Công ty tiếp tục đầu tư các thiết bị được trang bị hệ thống điều khiển tiên tiến, tự động hóa, công nghệ hiện đại vào phục vụ sản xuất nhằm tiết giảm chi phí nhân công, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao độ chính xác, chất lượng và tăng năng suất lao động: Máy cắt Laser Fiber khổ lớn 2000x6000 mm, Máy hàn laser, Máy doa hai đầu ống con lăn tự động.

Nói chung, công tác cơ điện cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của hoạt động SXKD, vận hành, sử dụng thiết bị và hệ thống năng lượng đảm bảo, không để xảy ra các sự cố hư hỏng lớn. Hệ thống thiết bị năng lượng và lưới điện của Công ty được tổ chức khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả.

5/ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ Sở hữu:

a/ Cổ phần: Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

+ Số cổ phiếu đăng ký phát hành: 2 700 000

Trong đó: Số cổ phiếu phổ thông: 2 700 000

Số cổ phiếu ưu đãi: -

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Số cổ phiếu phổ thông: 2 700 000

Số cổ phiếu ưu đãi: -

- Cổ tức, lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 3.240.000.000 đồng

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

	Cuối năm	Đầu năm
	31/12/2022	01/01/2022
+ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam	9.722.270.000	9.722.270.000
+ Công ty Cổ phần kín (Cty ngoại thương Kamaz)	10.163.000.000	10.163.000.000
+ Vốn góp các cổ đông khác	7.114.730.000	7.114.730.000
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000

b/ Cơ cấu cổ đông:

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

+ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam Tỷ lệ 36,01 %

+ Công ty Cổ phần kín (Cty ngoại thương Kamaz) 37,64 %

+ Vốn góp các cổ đông khác 26,35 %

Cộng **100 %**

- Giao dịch thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không có

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có; Các chứng khoán khác : Không có

6/ Báo cáo tác động đến môi trường :

6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu :

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm :

+ *Tồn kho (nguyên vật liệu, công cụ) đầu kỳ 01/01/2022:* 1.999 triệu đồng

+ *Nhập trong kỳ:* 316.542 triệu đồng

+ *Xuất trong kỳ:* 307.965 triệu đồng

+ *Tồn cuối kỳ 31/12/2022:* 10.576 triệu đồng

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất và dịch vụ nhỏ vì công ty là đơn vị sửa chữa và chế tạo phục hồi, sau khi đánh giá định kỹ thuật bước II thống nhất với khách hàng xong vật tư cũ là khách hàng lập biên bản thu hồi trả hàng cũ ngay ; còn vật tư mới công ty có đơn hàng đến đầu mua dùng đúng đến đó không để tồn kho.

6.2. Tiêu thụ năng lượng :

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : Chủ yếu là Điện năng sử dụng là 1.770.383 Kw; chi phí sử dụng năng lượng trong năm 3,277 tỷ đồng;

7. Tiêu thụ nước hàng năm công ty sử dụng :

Tiêu thụ nước năm 2022 công ty sử dụng 12 200 m³, với giá trị 192.700.000 đồng ;

Hệ thống xử lý nước thải của Công ty được TKV giao Công ty TNHH Môi trường – TKV đầu tư và vận hành 01 trạm xử lý nước thải thu gom nước thải bề mặt tại công ty nên công tác xử lý nước thải công ty thực hiện theo đúng quy định của Tập đoàn và các cơ quan quản lý Nhà nước.

8. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường :

a. số lần bị xử phạt do vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường : Không

b. Tổng số tiền phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường : Không Công ty hiện thực hiện và được chứng nhận tiêu chuẩn ISO 14.001:2015

9. Chính sách liên quan người lao động:

a. Lao động có mặt đến 31/12/2022 là 339 người (Hợp đồng chính thức: 302 người, còn lại 37 HĐ công việc, tập nghề, thử việc); lao động bình quân trong kỳ: 336 người; mức lương bình quân 12.200.000 đồng/ người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

- Chế độ làm việc :

+ Thời gian làm việc 08h/ ngày; 06/ ngày /tuần; nghỉ trưa 60 phút
+ Nghỉ lễ, phép, tết, ốm đau, thai sản : Theo quy định của Pháp Luật
+ Điều kiện làm việc : CBCNV được trang bị bảo hộ lao động theo từng đặc thù ngành nghề làm việc và trang bị dụng cụ đầy đủ ; nhà xưởng sạch sẽ ; nước uống theo mùa đầy đủ ; các vật tư nặng có cầu trục nâng trong quá trình làm việc ; Công nhân đến công ty làm việc mặc quần áo sạch sẽ và thay bảo hộ lao động sau giờ làm việc xong quần áo được giặt giữ quần áo miễn phí ; Công ty trang bị hệ thống thông gió trong nhà máy thu gió tươi thổi các vị trí trong công ty ; hệ thống thu khí, khói các vị trí sản xuất ;

- Chính sách lương và phúc lợi :

+ Chính sách lương và thưởng: Công ty căn cứ quy chế lương của cấp trên và các quy định của Nhà Nước ban hành quy chế tiền lương đối công ty ; Công ty trả lương theo vị trí việc làm; vị trí công việc làm, để khuyến khích lương nhưng cá nhân có trình độ, nghiệp vụ và tay nghề giỏi.

+ Bảo hiểm xã hội, phúc lợi: Công ty trích nộp bảo hiểm XH, BHYT.. tuân thủ đúng quy định ; không để nợ đọng bảo hiểm và công khai hàng tháng đến người lao động của công ty, số tiền đóng BHXH năm 2022: 6.954.082.400 đồng (DN đóng: 4.618.210.988 đồng)

+ Chính sách người lao động: Công ty luôn xác định nhân tố con người là quan trọng nhất quyết định sự phát triển của công ty; Do vậy công ty triển khai: Đối gián tiếp mỗi vị trí làm việc và công việc thực hiện trả lương đối từng cá nhân một mức lương khác nhau ; Đối công nhân sản xuất trực tiếp công ty tổ chức bình xét chất lượng mỗi công nhân một hệ số cụ thể để trả lương theo vị trí và trình độ thực tế ;Hàng năm công ty liên kết các trường cử đi học tập, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ ; công tác tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch ; tạo môi trường làm việc để mỗi công nhân cán bộ phát huy năng lực bản thân và đóng góp sự phát triển công ty

- Công ty đang áp dụng, duy trì chứng nhận OHSAS 18001:2007.

10. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với địa phương đối công động:

Công ty tham gia các cụm an toàn địa bàn trên nơi công ty đặt trụ sở ; phối hợp 02 đơn vị bộ đội và cơ quan quản lý Nhà nước phối hợp công tác Bảo vệ an ninh trật tự, an toàn doanh nghiệp; hàng năm đóng góp đầy đủ các quỹ theo quy định của pháp luật: Quỹ phòng chống thiên tai (TP Cẩm Phả) năm 2022 số tiền: 54.118.359 đồng; định kỳ thăm hỏi các tổ chức hội tàn tật, hội người mù, trung tâm bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Ninh ; Hàng năm các dịp tết nguyên đán Công ty tổ chức thăm hỏi các tổ chức xã hội, trung tâm bảo trợ, năm 2022.

III. Báo cáo đánh giá ban giám đốc :

1. Kết quả SXKD năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ TH/KHĐC (%)
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6=5/4x100</u>
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	316.650	356.859	112,7
2	Tiền lương B/Q	1000đ/ng-th	10.247	12.224	119,1
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	5.500	5.998	109,1
4	Lao động bình quân	Người	360	336	93,3

2/ Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán theo qui định của Pháp luật. Công ty đã đăng tải Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán trên trang Website của Công ty (vmicauto.vn). Công ty gửi Báo cáo tài chính đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đúng kỳ hạn.

Phần thứ nhất:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Áp dụng cho doanh nghiệp hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2022)	Số đầu năm (01/1/2022)
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		155.306.871.128	112.308.389.792
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	12.265.716.383	16.246.236.840
1. Tiền	111		12.265.716.383	16.246.236.840
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121	VI.2a		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	VI.2a		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.2b		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.156.905.970	83.199.078.842
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a,c	88.755.786.185	77.415.117.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.673.608.820	707.217.606
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu tiền độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	20.619.206.165	6.568.892.403
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VI.4a	-891.695.200	-1.492.149.025
8. tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5		
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	29.174.844.687	12.123.765.105
1. Hàng tồn kho	141		29.174.844.687	12.123.765.105
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.709.404.088	739.309.005
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	2.534.022.299	563.927.216
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	VI.19	175.381.789	175.381.789
4. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14a		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200)	200		47.702.686.877	43.675.404.057

200=210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.3bc		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	VI.4b		
II. Tài sản cố định	220		47.214.269.550	42.690.692.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	46.932.028.360	42.509.582.570
- Nguyên giá	222		170.126.421.063	156.313.644.380
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-123.194.392.703	-113.804.061.810
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	282.241.190	181.110.201
- Nguyên giá	228		1.046.740.000	798.240.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-764.498.810	-617.129.799
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	0	0
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.8a	0	0
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		488.417.327	984.711.286
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	488.417.327	984.711.286
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24a		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14b		
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		203.009.558.005	155.983.793.849

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2022)	Số đầu năm (01/1/2022)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		153.289.781.191	105.152.330.243
I. Nợ ngắn hạn	310		153.013.786.191	104.876.335.243

1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16acd	122.103.941.737	75.384.715.436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.436.313.755	8.250.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.19	663.420.479	1.395.573.159
4. Phải trả người lao động	314		7.605.884.944	10.745.645.928
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.20	23.615.000	1.222.833.560
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.22ac		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.21	250.123.013	866.282.312
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15acd	3.000.000.000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23a	12.226.625.151	13.879.907.958
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		703.862.112	1.373.126.890
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		275.995.000	275.995.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	VI.16bcd		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.20		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.22bc		
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.21		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	VI.17		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	VI.22		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24b		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23b		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		275.995.000	275.995.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		49.719.776.814	50.831.463.606
I. Vốn chủ sở hữu	410		35.083.243.887	35.093.289.825
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.25a	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	VI.25a		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	VI.25a		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	VI.25a		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	VI.25d		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	VI.25a		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	VI.25a		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.25e	3.392.444.831	3.392.444.831
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	VI.25e		

10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	VI.25e		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.25a	4.690.799.056	4.700.844.994
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			4.700.844.994
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.690.799.056	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		14.636.532.927	15.738.173.781
1. Nguồn kinh phí	431	VI.28	9.438.000.000	12.037.369.789
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		5.198.532.927	3.700.803.992
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300+400)	440		203.009.558.005	155.983.793.849

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	356.105.232.876	349.103.329.413
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		356.105.232.876	349.103.329.413
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	319.440.948.945	317.387.442.948
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		36.664.283.931	31.715.886.465
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	6.727.743	13.026.075
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	1.395.206.883	258.537.415
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.395.206.883	258.537.415
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8a	2.558.612.405	2.682.122.804
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8b	26.626.366.641	23.959.518.670
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		6.090.825.745	4.828.733.651
11. Thu nhập khác	31	VII.6	747.120.092	1.232.365.506
12. Chi phí khác	32	VII.7	839.999.429	100.449.228
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-92.879.337	1.131.916.278
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.997.946.408	5.960.649.929
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	1.307.147.352	1.259.804.935
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	VII.11	4.690.799.056	4.700.844.994
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.737	1.741
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

III/ Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

- Năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty tiếp tục được sự hỗ trợ của Tập đoàn, sự quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện được các mục tiêu lớn đề ra; cụ thể:

- Sản xuất đảm bảo an toàn; Việc làm cho người lao động ổn được định; Tiền lương, thu nhập cho người lao động đảm bảo đạt và vượt mức kế hoạch được giao.

- Quản trị kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp. Chất lượng sản phẩm ổn định hơn, được khách hàng tin cậy hơn.

2. Kết quả thực hiện việc giám sát bảo toàn vốn và phát triển vốn.

- Một số chỉ tiêu đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	Năm nay (31/12/2022) (tr.đồng)	Năm trước (31/12/2021) (Tr.đồng)
A	B	1	2
1	Khả năng thanh toán		
1.1	Khả năng thanh toán hiện hành (TTS/TNPT)(lần)	1,32	1,48
1.2	Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNH/NNH)(lần)	1,02	1,07
1.3	Khả năng thanh toán nhanh	0,08	0,15
2	Bố trí Cơ cấu nguồn vốn		
2.1	Nợ phải trả / tổng nguồn vốn (%)	75,51	67,45
2.2	Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn (%)	24,49	32,55
3	Bố trí Cơ cấu tài sản		
2.1	TS ngắn hạn / tổng tài sản (%)	76,69	72,00
2.2	TS dài hạn/ Tổng tài sản (%)	23,31	28,00
3	Tỷ suất về khả năng sinh lời		
3.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản (%)	0,02	0,03
3.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng Doanh thu thuần (%)	0,013	0,013
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư chủ sở hữu (%)	17,37	17,45

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Quản trị kinh doanh của công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động có nề nếp, chất lượng sản phẩm ổn định hơn.

- Năm 2022 Công ty triển khai mạnh mẽ trang bị đầu tư máy móc thiết bị hiện đại như máy cắt laser, máy CNC gia công vào phục vụ sản xuất, tiếp tục sắp xếp lao động, có kế hoạch thu hút nhân tài, công nhân kỹ thuật để phát triển Doanh nghiệp; Trong năm hiệu chỉnh, rà soát quy chế quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty; Rà soát ban hành các định mức vật tư, kinh tế kỹ thuật và tăng cường kiểm tra kiểm soát, xiết chặt công tác tổ chức, công tác điều hành quản lý chung và công tác điều hành quản lý trực tiếp tại phân xưởng và các phòng ban nghiệp vụ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Đầu tư đổi mới, áp dụng, khoa học công nghệ hiện đại vào SXKD của Công ty

- Đầu tư đổi mới theo chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm: Đầu tư các máy CNC, xây dựng đồ gá, trang bị mới các máy gia công cắt gọt, chế tạo cơ khí; sắp xếp đổi mới lại dây chuyền công nghệ; Có chính sách thu hút lao động có trình độ kỹ thuật nghiệp vụ chất lượng cao, công nhân tay nghề giỏi, kỹ sư trẻ;

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đặc biệt phục vụ khai thác mỏ Hàm lò; triển khai sản xuất các sản phẩm đã xong từ nghiên cứu đề tài thành sản phẩm tiêu thu kinh doanh ban hàng loạt;

Phối hợp các Viên nghiên cứu lựa chọn hiệu quả, đầu tư đổi mới công nghệ phát triển thêm sản phẩm mới. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực để ổn định sản xuất lâu dài của Công ty. Thường xuyên rà soát kiểm tra các hoạt động quản lý; Hợp tác phối hợp thuê thiết bị, phối hợp gia công cơ khí;

- Xây dựng thương hiệu uy tín của công ty theo ngành nghề đã được cấp phép kinh doanh, tập trung làm thật tốt các sản phẩm là thế mạnh của công ty, phát triển các sản phẩm mới.

3. Kiểm toán độc lập.

+ Tên công ty kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam

+ Trụ sở chính: tầng 10 và 12 – Tòa nhà Hapulico – Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội – Việt Nam :

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và ban giám đốc

Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin được lập ngày 24 tháng 02 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 38 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam

IV Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá hoạt động HĐQT về hoạt động công ty :

Hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin đã tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ của Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành kịp thời, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành SXKD của Công ty năm 2022 hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2022 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2022 Ban Giám đốc đã chỉ đạo điều hành, đưa nhiều giải pháp và các cán bộ quản lý trong công ty có nhiều biện pháp trong chỉ đạo, điều hành, chỉ đạo quyết liệt, chủ động bên cạnh đó khuyến khích động viên tập thể người lao động nỗ lực để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao; Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác công ty vẫn cố gắng tập trung cao độ chỉ đạo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Đánh giá hoạt động HĐQT về hoạt động ban giám đốc :

Trong năm HĐQT họp 14 phiên và 01 phiên họp kiểm điểm cán bộ điều hành; Ban điều hành đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc điều hành công ty theo Điều lệ Công ty quy định. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty có nhiều nỗ lực, đưa nhiều biện pháp để hoàn kế hoạch sản xuất kinh doanh năm mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao. Năm 2022 ảnh hưởng covid-19, dịch bệnh 06 tháng đầu năm đến hoạt động sản xuất kinh doanh công ty; Công ty chủ động trong mọi công việc, bứt phá nhận thêm việc ngoài kế hoạch phân đầu hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu SXKD Công ty năm 2022.

Giám đốc điều hành và ban lãnh đạo công ty đã chủ động làm việc với từng đơn vị trong kế hoạch phối hợp của Tập đoàn 2022, rà soát lại kế hoạch, cân đối công việc, chủ động nhân công việc mới của tập đoàn Viettel, chế tạo chi tiết, sản phẩm cơ khí xuất khẩu, khai thác việc tại các nhà máy sàng tuyển, phát triển thêm sản phẩm cơ khí chế tạo, hệ thống thủy lực phục vụ cho khai thác Hàm lò; nghiên cứu chế tạo phát triển sản phẩm mới; từng bước tạo nền móng phát triển công việc cho các năm sau. Giám đốc điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, một cách khẩn trương và nghiêm túc, kịp thời khắc phục khó khăn, đề ra nhiều biện pháp quản lý có hiệu quả trong quá trình điều hành sản xuất. Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo. Chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn, tài sản, an toàn trong sản xuất, an ninh doanh nghiệp, đồng thời báo cáo kịp thời các biến động trong quá trình kinh doanh trình HĐQT; Công ty tiếp tục thực hiện Chỉ thị liên tịch số: 102 của Tập đoàn TKV, bộ máy quản lý tinh gọn hơn, công ty các định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, vật liệu phụ, các chi phí, ban hành các quy định, quy trình trong quản lý. Cán bộ quản lý của công ty được HĐQT bổ nhiệm, phân cấp cho Giám đốc công ty phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người. Các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc nhiệm vụ giám đốc giao, chỉ đạo các phòng ban, phân xưởng thực hiện nhiệm vụ Sản xuất kinh doanh, đảm bảo yêu cầu đề ra. Trong năm qua các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, bám việc, thực hiện tốt công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

3. Kế hoạch định hướng của HĐQT Công ty năm 2023

Trên cơ sở kết quả thực hiện SXKD năm 2022, để đáp ứng tình hình hoạt động, phù hợp với yêu cầu thực tế, HĐQT Công ty xây dựng phương hướng nhiệm vụ và một số giải pháp chỉ đạo Ban điều hành trong năm 2023 như sau:

1. Chỉ đạo công ty thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, tỉnh Quảng Ninh, Tập đoàn TKV về các giải pháp thích ứng về phòng chống dịch bệnh; tổ chức thực hiện tập trung cao độ chỉ đạo điều hành hoàn thành kế hoạch năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua; đảm bảo hiệu quả trong SXKD; bảo toàn vốn cổ đông; tăng cường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị trong qua trình SXKD;

2. Sản xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị; Không để xảy ra sự cố cháy nổ, TNLĐ nghiêm trọng; Thực hiện tốt công tác Công tác quân sự quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự doanh nghiệp, bảo vệ tài sản Công ty.

3. Tiếp tục đổi mới dây chuyền công nghệ; ứng dụng tin học hóa, tự động hóa vào sản xuất tại công; tiếp tục rà, sắp xếp soát hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất, cơ cấu lao động tinh gọn cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất từng giai đoạn. Có cơ chế khuyến khích tuyển dụng bổ sung, đào tạo đội ngũ lao động gồm kỹ sư, công nhân kỹ thuật có chất lượng cao các nghề: Tiện, phay, bào, xọc, máy gia công CNC...; thợ sửa chữa thiết bị khai thác, sửa chữa ô tô mô; Ưu tiên tuyển dụng công nhân kỹ thuật, kỹ sư trẻ có trình độ.

4. Hợp tác, liên kết với các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, trung tâm công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất. Hợp tác, liên doanh với các tổ chức trong và ngoài nước hợp tác KHCN, phát triển sản phẩm mới nhằm mở rộng thị trường, tạo điều kiện thuận lợi, ổn định SXKD cho Công ty khi trước mắt và lâu dài.

5. Tiếp tục rà soát các văn bản, quy chế, quy định, chỉ thị, hướng dẫn mới của Nhà nước, của Tập đoàn TKV kịp thời sửa đổi và bổ sung ban hành các quy chế, quy định quản lý theo đúng quy định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Dự đoán các khó khăn, nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động SXKD công ty năm 2023; thực hiện công tác quản trị SXKD phù hợp với thị trường, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023. Hoạt động SXKD đảm bảo hiệu quả, đạt lợi nhuận theo kế hoạch và bảo toàn vốn cho các cổ đông.

7. Nghiên cứu tính toán năng lực công ty và nhu cầu thị trường, đầu tư máy móc, thiết bị, đổi mới công nghệ. Mục tiêu chỉ đầu tư những thiết bị thật cần thiết, chắc chắn mang lại hiệu quả khi đầu tư để triển khai phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty. Sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

8. Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, các tổ chức chính trị tạo sự đồng thuận, đoàn kết thống nhất nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp vì sự phát triển ổn định, lâu dài của Công ty.

9. Chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, tổ chức thăm quan, nghỉ mát, cải thiện điều kiện làm việc người lao động, thực hiện các chính sách an sinh, thu hút lao động chất lượng, giữ chân NLĐ có tay nghề giỏi an tâm công tác.

V/ Quản trị Công ty

1/ Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Xuân Phi: Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 13.334 cổ phần = 0,49%

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 972.227 cổ phần.

2. Ông Nguyễn Văn Yên: Ủy viên HĐQT - Giám đốc điều hành

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần = 0%

3. Ông Nguyễn Anh Tuấn: Ủy viên HĐQT .

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

4. Ông Zakharicov Andrey Alexandrovitch: Ủy viên HĐQT

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn hăng Kamaz: 1.016.300 cổ phần = 37,64%

5. Ông Trần Văn Trung: Ủy viên HĐQT - Công ty CP Tân đại tây dương (AIT)

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó :

- Sở hữu cá nhân: 390.434 cổ phần = 14,46 %

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 cổ phần.

*** Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

1. Ông Phạm Xuân Phi: Chủ tịch HĐQT

2. Ông Nguyễn Anh Tuấn: Ủy viên HĐQT

3. Ông Zakharicov Andrey Alexandrovitch: Ủy viên HĐQT

***/ Các tiểu ban**

Các phòng ban trong công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT công ty đã tham mưu, giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành của thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

*** Hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

+ Thực hiện nghị quyết Đại hội, Hội đồng quản trị đã họp triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết thường kỳ trong năm trên cơ sở cụ thể hoá nhiệm vụ năm kế hoạch. Ban hành 14 Nghị quyết và 01 NQ họp nhận xét đánh giá cán bộ năm 2022, ra các quyết định phục vụ sản xuất của công ty.

+ HĐQT giao nhiệm vụ chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch ngay từ đầu năm, hàng quý kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện; giao cho ban Giám đốc, củng cố kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý từ Công ty đến các phòng, phân xưởng.

+ Đình kỳ hàng quý họp giải quyết tồn đọng, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và các giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện và điều hành quản lý.

Thù lao Hội đồng quản trị:

	Chức danh quản lý	Số lượng (người)	Tiền thù lao (đ/năm)	Ghi Chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	61.680.000	
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Ông Nguyễn Trọng Hùng (10 Tháng)</i>	<i>10 tháng</i>	<i>51.400.000</i>	
	<i>Ông Phạm Xuân Phi (02 tháng)</i>	<i>02 tháng</i>	<i>10.280.000</i>	
2	UV HĐQT	4	210.240.000	
4	Thư ký công ty	1	52.560.000	
	Cộng		324.480.000	

2/ Ban Kiểm soát

1. Bà: Bùi Thị Lan: Trưởng ban kiểm soát.

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 1.254 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: (TKV giới thiệu đại diện)

2. Ông Hà Minh Thanh: Ủy viên HĐQT

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 1.061 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

3. Ông Hồ Anh Tuấn: Ủy viên Ban kiểm soát

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không (Đại diện Cty CP Ngoại thương Kamaz)

***/ Hoạt động của BKS.**

1/ Ban kiểm soát

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Số buổi họp
1	Bùi Thị Lan	Trưởng ban	1.254	07/07
2	Hà Minh Thanh	Ủy viên	1.061	07/07
3	Hồ Anh Tuấn (Đại diện Kamaz)	Ủy viên	0	07/07

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn về Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban lãnh đạo điều hành trong công việc quản lý và điều hành Công ty:

- Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban kiểm soát, để làm cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong việc kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ, góp phần tăng cường công tác giám sát, phát hiện vi phạm, cảnh báo, kiến nghị xử lý và phòng ngừa rủi ro.

- Trong năm Ban kiểm soát họp 07 phiên 100% thành viên tham dự theo quy định.

- Năm 2022, Ban kiểm soát đã triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động sau: Thường xuyên giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các Quy chế, Quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty do Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty ban hành; Định kỳ thẩm định báo cáo tài chính từng quý và năm 2022; kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính; Đề xuất Đại hội cổ đông lựa chọn danh sách các công ty kiểm toán báo cáo tài chính; Rà soát các quy chế; Thực hiện kiểm tra giám sát chứng từ thu, chi tiền mặt, chứng từ ngân hàng, chứng từ tạm ứng, công nợ; mua sắm tài sản; hồ sơ mua sắm vật tư. Trên cơ sở kết quả kiểm soát các hoạt động nêu trên Ban kiểm soát thấy: Công ty điều hành hoạt động kinh doanh tuân thủ theo đúng pháp luật, không có sai sót trọng yếu. Thông qua việc giám sát, Ban kiểm soát có các ý kiến đề xuất, kiến nghị, cảnh báo góp phần giúp Công ty có chỉ đạo kịp thời trong quản lý, điều hành hoạt động, đảm bảo đạt hiệu quả và hạn chế rủi ro. Đánh giá chung năm 2022 Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2022 Ban kiểm soát thực hiện tốt chức năng của mình, như: giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và hàng quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

c/ Thu lao Ban kiểm soát

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin ngày 28/4/2022, Công ty đã chi trả thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và kiêm nhiệm năm 2022, Chi tiết như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (cả năm)		
			Mức lương và phụ cấp (đồng/tháng)	Số tháng	Tổng số (đồng)
I	Tiền lương Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: Bùi Thị Lan				274.800.000
	Từ 01/01/2022 – 31/12/2022	T.BKS	22.900.000	12	274.800.000
II	Phụ cấp Ban kiểm soát (Phụ cấp kiêm nhiệm)				105.120.000
	1 Hồ Anh Tuấn	UV.BKS	4.380.000	12	52.560.000
	3 Hà Minh Thanh	UV.BKS	4.380.000	12	52.560.000
	Cộng				379.920.000

- Ngoài ra theo chế độ quy định của Nhà nước, trường Ban kiểm soát được hưởng thêm (hoặc giảm đi) phần tiền lương theo đánh giá xếp loại doanh nghiệp và Người quản lý của Công ty năm 2022, quyết toán phí do Tập đoàn TKV phê duyệt và quỹ thưởng của ban quản lý điều hành khi ĐHCĐ năm 2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty HĐQT phê duyệt.

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Cổ đông góp vốn Nhà nước:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam: 36.01%

Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

2.2 Cổ đông sáng lập:

a/ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam:

Số cổ phần: 972 227 = 36,01%

Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 5700100256 cấp ngày 19/2/1994

Người đại diện quản lý phần vốn: Ông Nguyễn Chiến Thắng

b/ Công ty cổ phần “Công ty ngoại thương Kamaz”:

Số cổ phần: 1 016 300 = 37,64%

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 1021602027622

Địa chỉ: Số 4, Rubanenco, TP Nabereznui, Tatarstan, Liên bang Nga

c/ Cổ đông cá nhân

Ông Mai Huy Quỳnh:

Số cổ phần: 1 340 = 0,05%

Số CMND: 013345445 cấp ngày 11/9/2010 do Công an TP Hà Nội cấp

Trú qu. n: Phú diễn – Từ Liêm - TP Hà Nội.

2.3 Cổ đông vốn góp nước ngoài

+ Công ty cổ phần “Công ty ngoại thương Kamaz”:

Số cổ phần: 1.016.300 = 37,64%

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 1021602027622

Địa chỉ: Số 4, Rubanenco, TP Nabereznui, Tatarstan, Liên bang Nga

Người đại diện quản lý phần vốn: Ông Tsyganov vasily Vitalievich

3) Giao dịch cổ đông nội bộ: Không

4) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin đã công bố báo cáo tài chính năm 2022 sau kiểm toán trên Hệ thống IDS của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; gửi Báo cáo UBCK Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng tải tại Website của Công ty: www.vmicauto.vn chọn mục quan hệ cổ đông, báo cáo tài chính.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Ô tô – Vinacomin ; xin được trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cùng toàn thể quý vị cổ đông Công ty.

Trân trọng./

Nơi nhận :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VP, HĐQT,
- Đăng trên Website Công ty (<http://vmicauto.vn>).

TV. HĐQT - GIÁM ĐỐC CÔNG TY



NGUYỄN VĂN YÊN